

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM 2026 - THÁNG 6
(Kèm theo Báo cáo số 425/BC-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Ba Gia)

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn giải ngân từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề							Ước lũy kế vốn giải ngân từ đầu năm đến hết tháng báo cáo		
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Giải ngân vốn kế hoạch kéo dài			Giải ngân vốn kế hoạch năm			Tổng số	Trong đó	
				Kế hoạch UBND tỉnh giao	Kế hoạch UBND xã giao		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Giải ngân vốn kế hoạch kéo dài	Giải ngân vốn kế hoạch năm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	PHẦN SỐ LIỆU TỔNG HỢP	3.467,00		3.467,00	3.467,00	1.099,00	-	-	-	1.099,00	867,20	231,80	1.883,56	-	1.883,56
	Vốn trong nước	3.467,00		3.467,00	3.467,00	1.099,00	-	-	-	1.099,00	867,20	231,80	1.883,56	-	1.883,56
	Vốn nướ ngoài														
A.I	Vốn NSNN	3.467,00		3.467,00	3.467,00	1.099,00	-	-	-	1.099,00	867,20	231,80	1.883,56	-	1.883,56
I	Vốn cân đối ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp xã)	3.467,00		3.467,00	3.467,00	1.099,00	-	-	-	1.099,00	867,20	231,80	1.883,56	-	1.883,56
	Trong đó	3.467,00		3.467,00	3.467,00	1.099,00	-	-	-	1.099,00	867,20	231,80	1.883,56	-	1.883,56
1	Vốn XD CB tập trung	3.000,00		3.000,00	3.000,00	1.099,00				1.099,00	867,20	231,80	1.763,56	-	1.763,56
2	Vốn sở sở kiến thiết														
3	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	467,00		467,00	467,00					-	-	-	120,00	-	120,00
4	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương														
5	Vốn NSDP bổ sung ngoài kế hoạch được giao														
II	Vốn ngân sách Trung ương														
A.I I	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định														
B	PHẦN SỐ LIỆU CHI TIẾT	3.467,00	-	3.467,00	3.467,00	1.099,00	-	-	-	1.099,00	867,20	231,80	1.883,56	-	1.883,56
B.1	Dự án do cấp tỉnh quản lý					-									
B.2	Dự án do cấp xã quản lý	3.467,00	-	3.467,00	3.467,00	1.099,00	-	-	-	1.099,00	867,20	231,80	1.883,56	-	1.883,56
B.2. 1	Vốn NSNN	3.467,00	-	3.467,00	3.467,00	1.099,00	-	-	-	1.099,00	867,20	231,80	1.883,56	-	1.883,56
I	Vốn cân đối ngân sách địa phương	3.467,00	-	3.467,00	3.467,00	1.099,00	-	-	-	1.099,00	867,20	231,80	1.883,56	-	1.883,56
1	Vốn XD CB tập trung	3.000,00	-	3.000,00	3.000,00	1.099,00	-	-	-	1.099,00	867,20	231,80	1.763,56	-	1.763,56
1.1	Vốn tỉnh phân cấp cho các địa phương	3.000,00	-	3.000,00	3.000,00	1.099,00	-	-	-	1.099,00	867,20	231,80	1.763,56	-	1.763,56
1	Đường xã, tuyến ngõ ông hải - nghĩa trang Chồi Bà Bang	250,00		250,00	250,00	151,78				151,78	151,78		237,50		237,50
2	Làm mới cống qua đường thuộc tuyến đường Ba Gia -An Diêm đi nhà Phạm Văn Luận; BTXM tuyến đường ngõ ông Triều - ngõ ông Thu (đoạn còn lại)	150,00		150,00	150,00	90,55				90,55	90,55		142,50		142,50

3	Tuyến đường Bà Cù - Xóm 4	500,00		500,00	500,00	307,43				307,43	75,63	231,80	307,43		307,43
4	Đường thôn tuyến Ngã 3 xóm Núi - Sơn Rái	150,00		150,00	150,00	-				-	-		142,50		142,50
5	ĐTh.1: ĐH.17 (cây dù) - ĐX	200,00		200,00	200,00	-				-	-		190,00		190,00
6	ĐTh.20 (ĐX.19 - Giếng Mạch)	180,00		180,00	180,00	-				-	-		171,00		171,00
7	Nâng cấp, sửa chữa Kênh B1-12 L=1.500m	235,00		235,00	235,00	220,02				220,02	220,02		220,02		220,02
8	KCH tuyến: Kênh Đập Đèo (nối dài) nhánh	165,00		165,00	165,00	133,36				133,36	133,36		156,75		156,75
9	KCH tuyến: Kênh Bơm B1-12	220,00		220,00	220,00	195,86				195,86	195,86		195,86		195,86
10	Son, sửa chữa,quét vôi : Tường rào, cổng ngõ,8 phòng học, nhà vệ sinh, hệ thống nước, dây 4 phòng phía Nam, khu hiệu bộ; Làm mái hiên : cho bếp ăn (20m2)	300,00		300,00	300,00	-				-	-				
11	Đóng 01 giếng nước; Xây 30 m tường rào ngã đõ.	150,00		150,00	150,00	-				-	-				
12	Quy hoạch tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang Rừng Nám, Nghĩa Trang nhân dân Gò Dưa	500,00		500,00	500,00	-				-	-				
1.2	Vốn do cấp xã tự bố trí					-				-					
2	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	467,00	-	467,00	467,00	-	-	-	-	-	-	-	120,00	-	120,00
1	Xây dựng tuyến từ đường TL 622C -Lê Thành Tâm L=580m	467,00		467,00	467,00	-				-	-		120,00		120,00

